## BÀI 14: BẢN VẼ CƠ KHÍ

## 1. NHẬN BIẾT (7 CÂU)

**Câu 1.** Công dụng của bản vẽ chi tiết là gì?

A. Chế tạo chi tiết

B. Kiểm tra chi tiết

C. Chế tạo và kiểm tra chi tiết

D. lắp ráp các chi tiết lại với nhau

**Câu 2.** Công dụng của bản vẽ lắp là gì?

A. Chế tạo chi tiết

B. Kiểm tra chi tiết

C. Chế tạo và kiểm tra chi tiết

D. lắp ráp các chi tiết lại với nhau

**Câu 3.** Nội dung của bản vẽ lắp?

A. Trình bày hình dạng chi tiết

B. Trình bày vị trí tương quan của một nhóm chi tiết được lắp với nhau.

C. Trình bày hình dạng và vị trí tương quan của một nhóm chi tiết được lắp với nhau.

D. Trình bày hình dạng, kích thước và yêu cầu kĩ thuật của chi tiết.

**Câu 4.** Nội dung của bản vẽ chi tiết?

A. Trình bày hình dạng chi tiết

B. Trình bày vị trí tương quan của một nhóm chi tiết được lắp với nhau.

C. Trình bày hình dạng và vị trí tương quan của một nhóm chi tiết được lắp với nhau.

D. Trình bày hình dạng, kích thước và yêu cầu kĩ thuật của chi tiết.

**Câu 5.** Bản vẽ chi tiết không bao gồm thành phần nào?

A. Hình biểu diễn

B. Kích thước

C. Bảng kê

D. Khung tên.

**Câu 6.** Độ nhám bề mặt là gì?

A. là một trị số nói lên mức rắn chắc của bề mặt chi tiết.

B. là một trị số nói lên độ nhấp nhô của bề mặt chi tiết.

C. là mức độ an toàn của chi tiết sau khi gia công.

D. là mức độ thích ứng với các bộ phận khác của một chi tiết sạu khi gia công.

**Câu 7.** Dung sai kích thước là gì?

A. là tổng kích thước của chi tiết trước và sau quá trình gia công.

B. là tổng các tính toán ban đầu về kích thước của một chi tiết sau khi gia công.

C. là hiệu giữa trung bình kích thước của chi tiết sau mỗi lần gia công.

D. là hiệu giữa kích thước giới hạn lớn nhất và kích thước giới hạn nhỏ nhất.

### 2. THÔNG HIỂU (5 CÂU)

**Câu 1.** Trong bản vẽ chi tiết, các hình biểu diễn thể hiện

A. hình dạng của chi tiết máy

B. hình dạng của ren xoắn

C. cơ chế vận hành của chi tiết máy

D. trong bản vẽ chi tiết không có các hình biểu diễn.

**Câu 2.** Trong bản vẽ chi tiết, các kích thước thể hiện

A. tốc độ quay của các bộ phận chi tiết máy.

B. quy mô hoạt động của các bộ phận chi tiết máy.

C. độ lớn các bộ phận của chi tiết máy.

D. cơ chế vận hành của chi tiết máy.

**Câu 3.** Độ nhám càng nhỏ thì bề mặt

A. càng nhấp nhô

B. càng nhẵn.

c. càng bền vững

D. càng khó gia công .

**Câu 4.** Kí hiệu 56 ± 0,1 khi ghi dung sai kích thước có nghĩa là:

A. Kích thước ban đầu là 56,0; kích thước sau khi gia công nằm trong khoảng 55.9 đến 56.1 và dung sai bằng 0,1.

B. Kích thước ban đầu là 56,0; kích thước sau khi gia công nằm trong khoảng 55.9 đến 56.1 và dung sai bằng 0,2.

C. Kích thước giới hạn lớn nhất bằng 56,1; kích thước giới hạn nhỏ nhất bằng 55,9 và dung sai bằng 0,1.

D. Kích thước giới hạn lớn nhất bằng 56,1; kích thước giới hạn nhỏ nhất bằng 55,9 và dung sai bằng 0,2.

**Câu 5.** Đâu không phải một yêu cầu kĩ thuật thường thấy?

A. Làm tù cạnh B. Mạ kẽm C. Tôi cứng D. Phá vỡ cấu trúc

### 3. VẬN DỤNG (1 CÂU)

**Câu 1.** Trình tự lập bản vẽ chi tiết

1. Chọn phương án biểu diễn

2. Tìm hiểu công dụng, yêu cầu kĩ thuật của chi tiết

3. Ghi kích thước, các yêu cầu kĩ thuật và nội dung khung tên

4. Vẽ các hình biểu diễn

A. 2 – 1 – 4 – 3 B. 2 – 4 – 1 – 3. C. 2 – 1 – 3 – 4 D. 2 – 4 – 3 – 1

### 4. VẬN DỤNG CAO (3 CÂU)

**Câu 1:** Bảng kê trong bản vẽ lắp bao gồm những thông tin nào?

A. Tên các chi tiết, số lượng và vật liệu chế tạo

B. Tên các chi tiết, quy trình thực hiện, thời gian thực hiện

C. Số lượng chi tiết, các xử lí chi tiết.

D. Vật liệu chế tạo, quy cách chế tạo, phương thức thể hiện

**Câu 2:** Đọc được bản vẽ lắp là hiểu được đầy đủ và chính xác các nội dung của bản vẽ lắp đó, bao gồm

1. Hiểu rõ được hình dáng, cấu tạo của từng chi tiết và chức năng của nó trong sản phẩm.

2. Hiểu rõ mối ghép của các chi tiết với nhau.

3. Nắm được nguyên lí làm việc, công dụng và trình tự tháo lắp của sản phẩm, các nội dung quản lí bản vẽ.

A. 1, 2

B. 1, 3

C. 2, 3

D. 1, 2, 3

**Câu 3:** Đọc được bản vẽ chi tiết là hiểu được đầy đủ và chính xác các nội dung của bản vẽ chi tiết đó, bao gồm

1. Hiểu rõ được tên gọi, công dụng, hình dáng, cấu tạo, kích thước và vật liệu của chi tiết.

2. Hiểu rõ mối ghép của các chi tiết với nhau.

3. Hiểu rõ các yêu cầu kĩ thuật.

A. 1, 2

B. 1, 3

C. 2, 3

D. 1, 2, 3